TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **977**/2023/QĐST-HNGĐ	*Bình Chánh, ngày 02 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 797/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Công K**, sinh năm: 1979.

Nơi cư trú: 5M19/6, ấp N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: 5M19/6, ấp N, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công K .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công K thuận tình ly hôn với nhau.

Giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Sơn, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cấp vào ngày 06/8/2002 không còn giá trị pháp lý.

2.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công K có 02 (hai) con chung tên là Nguyễn Công Hoàng A (giới tính nam) sinh ngày 12/5/2003 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc Trâm A (giới tính nữ) sinh ngày 14/02/2006. Sau khi ly hôn, giao con chung tên là Nguyễn Ngọc Trâm A (giới tính nữ) sinh ngày 14/02/2006 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Ông Nguyễn Công K tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng);

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công K thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng cho con vào ngày 06 tây hàng tháng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 06/11/2023 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng cho con được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông K không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Kể từ khi bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con thì ông K phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công K đều xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.4 Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Công K đều xác nhận không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2.5 Về án phí: Ông Nguyễn Công K tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0020374 ngày 05 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Công K đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp (2);
- Chi cục THSDS H. Bình Chánh (1);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (4).

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoàng Sơn